

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 16 – 8 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quý
Ông Nguyễn Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án TP H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa :
Bà Tạ Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/ TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX- ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam V (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm A1– Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng VPBank.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc V1– Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng VPBank.
“Có mặt tại phiên tòa”.

Bị đơn: Anh Vũ A, sinh năm: 1980.

HKTT: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H, T.Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 6, phân trại số 1, Trại giam Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

“Vắng mặt tại phiên tòa” (Anh Vũ A có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lâm Thị H1, sinh năm: 1981.

HKTT: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H, T.Thanh Hóa.

Địa chỉ nơi làm việc: Chi cục thuế huyện Như Xuân (KP2, thị trấn Y, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa).

“Vắng mặt tại phiên tòa”

-Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Số 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa

“Vắng mặt tại phiên tòa”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam V và anh Vũ A có ký kết Hợp đồng cho vay số LN1908211620166. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho anh A vay số tiền: 940.000.000đ (Chín trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay vốn: vay tiêu dùng, thời hạn vay: 156 tháng. Phương thức thanh toán và tiền lãi thỏa thuận trong hợp đồng cho vay .

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng riêng: 47,46 m², địa chỉ: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 731826 do UBND TP H cấp ngày 12/11/2015 cho bà Trần Thị T1, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thạch, TP H, tỉnh Thanh Hóa và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngày 31/8/2019 chị Lâm Thị H1 còn ký hợp đồng bảo lãnh số LN1908211620166/HĐBL với bên được bảo lãnh là anh Vũ A. Theo Hợp đồng chị H1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho ông Vũ A trong việc thực hiện nghĩa vụ (nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại...) phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Vũ A với Ngân hàng VPBank.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Vũ A mới thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 34.585.215 đồng, trong đó tiền gốc là 16.830.004 đồng và 17.755.211 đồng tiền lãi; sau đó kể từ ngày 21/2/2020 đến nay thì anh A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu anh A thanh toán tuy nhiên do phải đi chấp hành án nên anh không thanh toán được cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 16/8/2023 anh Vũ A còn nợ Ngân hàng VPBank tổng số tiền gốc và lãi là: 1.589.197 đồng, trong đó nợ gốc: 923.169.996 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.118.929 đồng, tiền lãi quá hạn: 549.601.805 đồng, tiền lãi phạt chậm trả: 107.307.232 đồng.

Trước phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng VPBank đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 16/8/2023 là 107.307.232 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông Vũ A phải thanh toán cho Ngân hàng VPBank số tiền tính đến ngày 16/8/2023 là: 1.481.890.730 đồng, trong đó nợ gốc: 923.169.996 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.118.929 đồng, tiền lãi quá hạn: 549.601.805 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp anh Vũ A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng riêng: 47,46 m², địa chỉ: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 731826 do UBND TP H cấp ngày 12/11/2015 cho bà Trần Thị T1, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thạch, tỉnh Thanh Hóa .

Trường hợp sau khi đã thực hiện việc kê biên, phát mại hết các tài sản bảo đảm mà số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Vũ A thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện xác minh, kê biên phát mại các tài sản khác của bà Lâm Thị H1 để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số LN1908211620166/HĐBL ngày 31/8/2019 đã ký.

****Tại bản tự khai anh Vũ A đã trình bày:***

Ngày 30/8/2019 tôi có ký hợp đồng cho vay với Ngân hàng VPBank với tổng số tiền vay 940.000.000đ, thời gian vay là 156 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng. Để đảm bảo cho khoản vay, mẹ tôi là bà Trần Thị T1 đã ký hợp đồng thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất tại thửa số 47 tờ bản đồ số 09, địa chỉ: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H, tỉnh Thanh Hóa cho Ngân hàng. Và vợ tôi là chị Lâm Thị H1 đã ký hợp đồng bảo lãnh đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện cho toàn bộ khoản vay của tôi tại Ngân hàng VPBank.

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 940.000.000đ cho tôi và tôi đã nhận được số tiền này. Sau khi nhận được số tiền này tôi đã sử dụng vào việc tiêu dùng cho cá nhân của tôi, tôi không sử dụng vào mục đích mua sắm chi tiêu cho gia đình. Vợ tôi là Bà Lâm Thị H1 và mẹ tôi không được sử dụng số tiền này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tôi đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 34.585.215 đồng, trong đó số tiền gốc là 16.830.004 đồng; tiền lãi là 17.755.211 đồng. Sau đó do tôi phải đi chấp hành án nên tôi đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thỏa thuận của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện tôi hoàn toàn đồng ý trả nợ được cho Ngân hàng, nhưng hiện tại tôi đang phải chấp hành án nên xin với Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ cho tôi đến khi tôi chấp hành án xong. Nếu hết thời hạn chấp hành xong án phạt tù mà tôi chưa thanh toán khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Tại bản tự khai bà Trần Thị T1 trình bày:***

Do kinh tế khó khăn nên Ngày 30/8/2019 con trai tôi là Vũ A ký Hợp đồng cho vay số LN1908211620166 với Ngân hàng VPBank để vay số tiền 940.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay, Ngày 30/8/2023 tôi có ký hợp đồng thế chấp số LN1908211620166 với Ngân hàng VPBank để thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng riêng: 47,46 m², địa chỉ: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 731826 do UBND TP H cấp ngày 12/11/2015 cho tôi. Con trai tôi đã nhận được toàn bộ số tiền 940.000.000 đồng mà Ngân hàng giải ngân.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng con trai tôi mới trả được cho Ngân hàng số tiền 34.585.215 đồng. Sau đó từ năm 2020 do phải đi chấp hành án con tôi không trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị con trai tôi phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết, tôi đồng ý đề nghị con trai tôi phải trả nợ cho Ngân hàng nhưng do con tôi đang phải đi chấp hành án nên xin kéo dài thời gian trả nợ và miễn giảm lãi quá hạn và lãi chậm trả cho con trai tôi. Trường hợp sau khi con trai tôi chấp hành án xong mà vẫn chưa trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị giải quyết tài sản tôi đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Lâm Thị H1, bà Trần Thị T1, anh Vũ A theo quy định của pháp luật nhưng chị H1 không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa; Bà T1 không đến Tòa tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa; anh Vũ A do đang phải đi chấp hành án nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi triệu tập, phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam V vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng bà T1, chị H1 vắng mặt không có lý do, anh Vũ A có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với số tiền phạt chậm trả tính đến ngày 16/8/2023 là 107.307.232 đồng và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại Thành phố H, do vậy khi phát sinh tranh chấp, Tòa án Thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà T1, chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo quy định của pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

[2] Trước phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng TMCP Việt Nam V có đơn xin rút yêu cầu một phần khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 16/8/2023 là 107.307.232 đồng. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền lãi phạt chậm trả.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 tính đến ngày 16/8/2023 là: 1.481.890.730 đồng, trong đó nợ gốc: 923.169.996 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.118.929 đồng, tiền lãi quá hạn: 549.601.805 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 30/8/2019 Ngân hàng TMCP VPbank và anh Vũ A đã ký Hợp đồng tín dụng số LN1908211620166. Sau khi ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay là 940.000.000 đồng cho anh A. Việc giải ngân và nhận nợ thể hiện trong Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ lần 01/số LN1908211620166 và việc nhận nợ

còn được thể hiện tại Bản tự khai của bị đơn, anh Vũ A đã công nhận là nhận được số tiền giải ngân của Ngân hàng là 940.000.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tổng là 34.585.215 đồng, trong đó tiền gốc là 16.830.004 đồng và 17.755.211 đồng tiền lãi. Kể từ ngày năm 2020 đến nay thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Tại bản tự khai anh A cũng đã trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng mới trả được cho Ngân hàng số tiền là 34.585.125 đồng, còn từ năm 2020 đến nay do phải đi chấp hành án nên anh đã không trả nợ được cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kết giữa hai bên, anh Vũ A cũng đồng ý nhận nợ và trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh xin kéo dài thời gian trả nợ đến khi anh chấp hành án xong. Vì vậy, nguyên đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng đã ký giữa hai bên.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng và các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký, anh Vũ A đã nhận đủ số tiền vay. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 16/8/2023 là: 1.481.890.730 đồng, trong đó nợ gốc: 923.169.996 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.118.929 đồng, tiền lãi quá hạn: 549.601.805 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

- Về yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, mai tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả được nợ, hoặc trả không đầy đủ khoản nợ như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng:

Để bảo đảm cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng của anh Vũ A tại Ngân hàng VPBank, Bà Trần Thị T1 và Ngân hàng TMCP Việt Nam V đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thạch, TP H, tỉnh Thanh Hóa và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Hợp đồng thế chấp trên đã được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng các bên đều có năng lực hành vi dân sự, có công chứng chứng thực và làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý. Vì vậy, Yêu cầu của Ngân hàng: Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ, hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng,

thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp, được chấp nhận.

- Về yêu cầu xử cơ quan thi hành án xác minh, kê biên tài sản khác thuộc sở hữu của bà Lâm Thị H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số LN19082211620166/HĐBL trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng VPBank:

Để bảo lãnh cho khoản vay của anh Vũ A tại Hợp đồng cho vay số LN1908211620166 ngày 30/8/20219 với Ngân hàng VPBank chị Lâm Thị H1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số LN1908211620166/HĐBL ngày 31/8/2019. Theo Hợp đồng chị Lâm Thị H1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho anh Vũ A trong việc thực hiện nghĩa vụ (nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại...) phát sinh từ Hợp đồng cho vay ký giữa ông Vũ A với Ngân hàng VPBank.

Hợp đồng bảo lãnh được ký giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm ký kết các bên đều có năng lực, hành vi dân sự đầy đủ, về nội dung và hình thức của Hợp đồng bảo lãnh đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 335,336 BLDS. Do đó Hợp đồng bảo lãnh này có giá trị pháp lý.

Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn : Trường hợp sau khi đã thực hiện việc kê biên, phát mại hết các tài sản bảo đảm mà số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Vũ A thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện xác minh, kê biên phát mại các tài sản khác của bà Lâm Thị H1 để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số LN1908211620166/HĐBL ngày 31/8/2019 đã ký là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngân hàng VPBank không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS. Điều 299; Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với số tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 16/8/2023 là 107.307.232 đ (một trăm linh bảy triệu ba trăm linh bảy nghìn hai trăm ba mươi hai đồng)

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

Buộc anh Vũ A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền nợ tính đến ngày 16/8/2023 là: 1.481.890.730 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng), trong đó nợ gốc: 923.169.996 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.118.929 đồng, tiền lãi quá hạn: 549.601.805 đồng.

Anh Vũ A tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 17/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 đã được ký kết giữa anh Vũ A và Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng riêng: 47,46 m², địa chỉ: SN 19 Trần Quang D, phường Ngọc Tr, TP H, Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB731826 do UBND TP H cấp ngày 12/11/2015 cho bà Trần Thị T1, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN 1908211620166 ngày 30/8/2019 được ký tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thạch, tỉnh Thanh Hóa giữa Ngân hàng TMCP VPBank và bà Trần Thị T1 để đảm bảo cho việc trả nợ và thi hành án đối với khoản nợ tại Hợp đồng cho vay số LN1908211620166 ngày 30/8/2019 được ký giữa anh Vũ A và Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

Trường hợp sau khi đã thực hiện việc kê biên, phát mại hết các tài sản đã thế chấp (tài sản bảo đảm) mà số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Vũ A thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện xác minh, kê biên phát mại các tài sản khác của bà Lâm Thị H1 để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số LN1908211620166/HĐBL ngày 31/8/2019 đã ký giữa bên bảo lãnh là bà Lâm Thị H1 và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng VPBank với bên được bảo lãnh là anh Vũ A.

Về án phí: Anh Vũ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn số 56.457.000đ (năm sáu triệu bốn trăm năm bảy nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Việt Nam V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.937.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002415 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tho quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP Việt Nam V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ A, chị Lâm Thị H1, bà Trần Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long